**TIẾT 85 : ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

|  |
| --- |
| ***I. Luận điểm, luận cứ và lập luận.***  **1. Luận điểm:**  \* Bài tập: Văn bản: Chống nạn thất học.  \* Nhận xét  - Ý chính của bài viết: Chống nạn thất học, được trình bày dưới dạng nhan đề  - Ý chính thể hiện tư tưởng của bài nghị luận.  -> luận điểm là ý chính thể hiện tư tưởng, quan điểm trong bài nghị luận.  **2. Luận cứ**  \* Bài tập  \* Nhận xét  - Luận điểm được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng.  **3. Lập luận**  \* Bài tập: Văn bản : Chống nạn thất học.  \* Nhận xét  - Lập luận là cách lựa chọn sắp xếp trình bày luận cứ sao cho chúng làm cơ sở vững chắc cho luận điểm  ***Ghi nhớ (sgk)***  ***II. Luyện tập***  **1. Bài 1 (sgk 20)**  - Luận điểm: cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội  - Luận cứ:  + Luận cứ 1: Có thói quen tốt và thói quen xấu  + Luận cứ 2: Có người biết phân biệt tốt và xấu nhưng vì đã thành thói quen nên khó bỏ, khó sửa  + Luận cứ 3: Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói xấu rất dễ  - Lập luận:  + Dậy sớm…. Là thói quen tốt  + Hút thuốc lá…thói quen xấu  + Một thói quen xấu ta thường gặp hàng ngày  **2. Đọc thêm** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 86: ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN VÀ VIỆC LẬP Ý CHO**

**BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

|  |
| --- |
| **I. T×m hiÓu ®Ò v¨n nghÞ luËn**  **1. Néi dung vµ tÝnh chÊt cña ®Ò v¨n nghÞ luËn.**  -Trong luận điểm chủ chốt, có thể có những luận điểm nhỏ hơn.  - Đề 1,2,3 thể hiện thái độ: ca ngợi, biết ơn, thành kính, Tự hào  - Đề 4,5,6,7,8,9,10: phân tích khách quan.  ->Đó là tính chất của đề nghị luận.  **2. Tìm hiểu đề văn nghị luận**  **\* Bài tập. (sgk)**  **\* Nhận xét.**  - Tìm hiểu đề làm tìm hiểu, xác định luận điểm, tính chất của đề  ***II. Lập ý cho bài văn nghị luận***  \* Đề bài: Chớ nên tự phụ.  ***1 Xác định luận điểm:***  Không nên tự phụ  ***2. Xây dựng lập luận***  - Giải thích khái niệm tự phụ  - Nêu tác hại của tự phụ.  - Nêu dẫn chứng về tác hại đó.  -> Lập ý là tìm luận điểm, luận cứ và xây dựng lập luận.  ***Ghi nhớ ( sgk)***  ***TIẾT 2***  ***III. Luyện tập***: Tìm hiểu đề và lập ý cho đề: “Sách là người bạn lớn của con người”  **1 Tìm hiểu đề.**  - Tư tưởng : tầm quan trọng của sách  - Tính chất: Thái độ yêu quý, trân trọng sách.  **2. Lập ý.**  a, Xác định luận điểm: Tầm quan träng cña s¸ch  b, Tìm luận cứ.  - Giúp học tập, rèn luyện hàng ngày  - Mở mang trí tuệ, tìm hiểu thế giới  - Nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai  - Cảm thông, chia sẻ với con người, dân tộc, nhân loại.  - Thư giãn, thưởng thức, trò chơi  - Cần biết chọn sách và quý sách. |

**IV. Hướng dẫn tự học : 5p**

Đề văn nghị luận nêu ra vấn đề gì?

Tìm hiểu đề văn nghị luận là làm gì ?

Lập ý cho bài văn nghị luận là làm gì?

.

**TIẾT 87: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**Hồ Chí Minh**

|  |
| --- |
| **I. Đọc – Chú thích**  **1. Đọc**  **2. Chú thích**  **a) Tác giả - tác phẩm (sgk)**  **b) Từ khó**  **3. Thể loại**  Nghị luận xã hội - chứng minh một vấn đề chính trị xã hội.  **4. Bố cục**  - 3 phần:  + Từ đầu -> cướp nước: Nhận định chung về lòng yêu nước  + Tiếp -> yêu nước: chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước  + Còn lại: Nhiệm vụ của chúng ta  **II. Đọc - hiểu văn bản**  ***1) Nhận định chung về lòng yêu nướ***  - Đấu tranh chống ngoại xâm  Lòng yêu nước kết thành làn sóng...(Câu 3)  - Lặp nhiều lần đại từ “nó” + Các động từ mạnh dùng liên tiếp: kết thành, lướt qua, nhấn chìm  => Tác dụng: Gợi tả sức mạnh của lòng yêu nước  Tạo khí thế mạnh mẽ  Thuyết phục người đọc  - “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước” là luận điểm chính thể hiện niềm tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc ta  ***2) Những biểu hiện của lòng yêu nước***  \* Trong quá khứ  - Lòng yêu nước được thể hiện qua những chiến công hiển hách với các anh hùng dân tộc :  Thời đại Bà Trưng...  \* Trong hiện đại  - Trong thời đại ngày nay lòng yêu nước biểu hiện ở mọi lứa tuổi, tầng lớp, giai cấp, nghề nghiệp, địa bàn... xứng đáng với truyền thống dân tộc  + Theo thủ pháp liệt kê dẫn chứng  + Mô hình liên kết: Từ ...đến (lặp cấu trúc 6 lần)  => Thể hiện sâu sắc, toàn diện và cụ thể tư tưởng nêu ở đầu bài “Dân ta...yêu nước”  Cảm phục, ngưỡng mộ đồng bào ta  ***c) Nhiệm vụ***  “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý”   * So sánh đặc sắc   => Đề cao giá trị của lòng yêu nước  - Lòng yêu nước có 2 dạng : + Nhìn thấy được  + Không nhìn thấy được  - Bổn phận của chúng ta là khích lệ động viên lòng yêu nước của mọi người  **III. Tổng kết**  **Ghi nhớ (SGK)** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 88 : CÂU ĐẶC BIỆT**

|  |
| --- |
| ***I. Thế nào là câu đặc biệt?***  **1. Bài tập**  - Câu in đậm không có CN –VN  **2. Ghi nhớ 1**  ***II. Tác dụng của câu đặc biệt***  **1. Bài tập**  **2. Nhận xét**  Câu a: Xác định thời gian, nơi chốn.  Câu b: Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật hiện tượng.  Câu c: Bộc lộ cảm xúc.  Câu d: Gọi đáp.  **=> *Ghi nhớ 2 ( sgk)***  ***III. Luyện tập***  **Bài tập 1:** Tìm câu đặc biệt, câu rút gọn  a) Không có câu đặc biệt  \* Các câu rút gän:  - Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy  - Nhưng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm  - Nghĩa là phải ra sức giải thích: tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo  b) Câu đặc biệt: Ba giây… Bốn giây. Năm giây! … Lâu quá!  c) Câu đặc biệt: Một hồi còi  Không có câu rút gọn  d) Câu đặc biệt: Lá ơi  + Các câu rút gọn:  - Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi  - Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu!  **Bài tập 2**  - Ba giây… Bốn giây… Năm giây  Xác định thời gian  - Lâu quá! Sốt ruột ( bộc lộ cảm xúc)  - Một hồi còi ( tường thuật)  - Lá ơi! (Gọi đáp) |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**TIẾT 89; BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN**

**TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

|  |
| --- |
| ***I. Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận***  **1. Bài tập**  **2. Nhận xét**  \* Bài văn có bố cục ba phần  P1: Đoạn đầu: đặt vấn đề  P2: đoạn 2, 3: giải quyết vấn đề  P3: đoạn 4: kết thúc vấn đề  - Thân đoạn có 15 câu, 1 câu nêu vấn đề, 13 câu làm rõ vấn đề, 1 câu chốt lại.  + Hàng ngang1: Quan hệ nhân quả.  + Hàng ngang 2: Quan hệ nhân quả.  + Hàng ngang 3: Tổng-phân-hợp.  + Hàng ngang 4: Suy luận tương đồng.  + Hàng dọc 1: Suy luận tương đồng theo thời gian.  + Hàng dọc 2: suy luận tương đồng theo thời gian.  +Hàng dọc 3: Quan hệ nhân quả, so sánh.  - Cách tạo mối liên kết giữa bố cục và các phần.  ***Ghi nhớ (sgk)***  ***II. Luyện tập***  Bài tập: Văn bản “ Học cơ bàn mới có thể thành tài”  *1. Bài nêu lên tư tưởng:* Mỗi người phải biết học tập những điều cơ bản nhất thì mới có thể trở thành người tài giỏi, thành đạt lớn.  *2. Luận điểm*  - Học cơ bản mới trở thành tài  - Ở đời có nhiều người đi học, nhưng ít ai biết học cho thành tài  - Nếu không cố công luyện tập thì sẽ vẽ không đúng được  - Chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được thầy giỏi  *3. Bố cục :* 3 phần  *a. Mở bài:*  Ở đời có ……. ít ai biết học thành tài  *b. Thân bài :*  Từ danh hoạ….mọi thứ   1. *Kết bài :* 2. Đoạn còn lại |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 90: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

|  |  |
| --- | --- |
| ***I. Đặc điểm của trạng ngữ***  **1. Bài tập ( sgk 39)**  **2. Nhận xét**  \* Các trạng ngữ:  - Dưới bóng cây…  - Từ nghìn đời nay…  \* Trạng ngữ có vai trò bổ sung ý nghĩa cho nòng cốt câu, giúp cho ý nghĩa của câu cụ thể hơn.  ***II. Luyện tập (HS TỰ ĐỌC, TỰ LÀM)***  **1. Bài tập 1** Xác định trạng ngữ trong các câu  Câu a: Mùa xuân… mùa xuân ( chủ ngữ và vị ngữ)  Câu b: Mùa xuân -> trạng ngữ  Câu c: Mùa xuân -> bổ ngữ  Câu d: Mùa xuân là câu đặc biệt  **2. Bài 2:** Tìm trạng ngữ trong phần trích dưới đây:  1.Như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết  2. Khi đi qua những cánh đồng xanh  3. Trong cái vỏ xanh kia  4. Dưới ánh nắng  5. Với khả năng thích ứng  **3. Bài 3**: Phân loại trạng ngữ  Câu 1: Trạng ngữ cách thức  Câu 2: trạng ngữ chỉ địa điểm  Câu 3: Trạng ngữ chỉ nơi chốn  Câu 4: Trạng ngữ chỉ cách thức  **THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (Tiếp)**   |  | | --- | | ***I. Công dụng của trạng ngữ***  **1. Bài tập**  b. Sáng dậy - trạng ngữ chỉ thời gian.  c. Trên giàn thiên lý - trạng ngữ chỉ không gian.  **2. Nhận xét**  \* Ta không nên lược bỏ vì:  + Các trạng ngữ a,b,d bổ sung ý nghĩa về thời gian, không gian giúp nội dung miêu tả chính xác hơn.  + Các trạng ngữ còn có tác dụng liên kết ( a,b,c,d,e)  \* Trạng ngữ giúp cho việc sắp xếp các luận cứ trong văn nghị luận theo trình tự thời gian, không gian hoặc quan hệ nguyên nhân - kết quả.  **=> *Ghi nhớ( sgk)***  ***II. Tách trạng ngữ thành câu riêng (HS TỰ LÀM)***  **1. Bài tập**  **2. Nhận xét**  - Trạng ngữ: *và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó* -> đã được tách ra thành câu riêng.  - Tác dụng: Nhấn mạnh ý, chuyển ý, thể hiện cảm xúc.  **=> *Ghi nhớ 2***  ***III. Luyện tập***  **Bài 1:** Nêu công dụng trạng ngữ.  a. - Ở loại bài thứ nhất  - Ở loại bài thứ hai  -> trạng ngữ chỉ trình tự lập luận  b. - Đã bao lần  - Lần đầu chập chững bước đi  - Lần đầu tiên tập bơi  - Lần đầu chơi bóng bàn  - Lúc còn học phổ thông  - Về môn hoá  -> trạng ngữ chỉ trình tự lập luận  **Bài 2,3: HS TỰ LÀM** | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 91: TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

|  |
| --- |
| ***I. Mục đích và phương pháp chứng minh.***  **1. Bài tập**  **2. Nhận xét:**  - Khi muốn làm sáng tỏ một vấn đề  - Đưa ra bằng chứng để thuyết phục; bằng chứng ấy có thể là nhân chứng, vật chứng, sự việc, số liệu.  - Khi không dùng nhân chứng, vật chứng thì phải dùng lí lẽ, lời văn trình bày, lập luận làm sáng tỏ vấn đề.  \* Phân tích văn bản “Đừng sợ vấp ngã”  - Luận điểm chính: Đừng sợ vấp ngã  - Luận điểm nhỏ:  + Đã bao lần vấp ngã mà không hề nhớ.  + Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại.  + Điều đáng sợ hơn là bạn đã bỏ qua nhiều cơ hội chỉ vì không cố gắng hết mình.  - Phương pháp lập luận  - > Phương pháp lập luận chứng minh bằng một loạt các sự thật có sự tin cậy và sức thuyết phục cao  -> mục đích của lập luận chứng minh là làm cho người khác tin luận điểm mà mình đưa ra.  **=> *Ghi nhớ sgk*** |

|  |
| --- |
| ***II. Luyện tập (HS TỰ LÀM)***  **1. Bài văn**: *Không sợ sai lầm.*  - LuËn ®iÓm: Không sợ sai lầm.  - Các luận điểm nhỏ:  - Câu chứa luận điểm:  + Bạn ơi nếu bạn muốn sống một đời mà không phạm chút sai lầm nào, làm gì được nấy thì đó hoặc là bạn ảo tưởng hoặc là bạn hèn nhát trước cuộc đời.  + Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại.  + Những người sáng suốt dám làm, không sợ sai lầm mới là người làm chủ số phận của mình.  - Luận cứ:  + Bạn sợ sặc nước thì không biết bơi.  + Bạn sợ nói sai thì không nói được ngoại ngữ  + Một người không chịu mất thì sẽ không được gì.  -> Luận cứ rất hiển nhiên và có sức thuyết phục  **2. Bài tập bổ sung:**  Đề bài: *Chứng minh Tiếng Việt là thứ tiếng đáng yêu.*  \* Luận điểm: Tiếng Việt là thứ ng«n ng÷ đáng yêu nhÊt cña em.  + Tiếng Việt giàu ý nghĩa  - Là tiếng mẹ đẻ, do ông cha ta sáng tạo nên ( dẫn chứng sự hình thành, phát triển của Tiếng Việt  - Là phương tiện để bộc lộ tư tưởng, tình cảm của con người, thể hiện nét văn hoá, tâm hồn người Việt  - Tiếng Việt đáng yêu -> đây là một thực tế. |

**CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

|  |
| --- |
| ***I. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh***  ***1. Tìm hiểu đề***  - Luận điểm: ý chí quyết tâm học tập, rèn luyện  - Thể hiện ở câu tục ngữ và lời dẫn vào đề  ***2. Tìm ý và lập bố cục***  a. Mở bài  - Dẫn vào luận điểm  - Nêu vấn đề: Hoài bão trong cuộc sống  b. Thân bài: Giải quyết vấn đề  - Xét về lí:  + Chí là điều kiện rất cấn thiết để con người vượt qua trở ngại  + Không có chí thì không làm được gì  - Xét thực tế  + Những người có chí đều thành công (dẫn chứng)  + Chí giúp người ta vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thẻ vượt qua được (dẫn chứng)  c. Kết bài  Mọi người nên tu chí bắt đầu từ việc nhỏ để khi ra đời làm được những việc lớn  ***3. Viết bài***  a. Mở bài  Hoµi bão, ý chí, nghị lực là điều không thể thiếu đối với ai muốn thành đạt.Câu tục ngữ “Có chí thì nên” đã nêu bật tầm quan trọng đó.  b.Thân bài:  - Viết đoạn phân tích lí lẽ  - Viết đoạn nêu các dẫn chứng tiêu biểu về những người nổi tiếng “ có chí thì nên”  c.Kết bài  ***4. Đọc và sửa chữa***  **=> *Ghi nhớ (sgk )***  ***II. Luyện tập* (HS TỰ LÀM)**  \* Làm bài theo 4 bước  a.Tìm hiểu đề, tìm ý  - Luận điểm: kiên trì, bền bỉ làm một việc gì đó có ngày sẽ thành công  - Tìm ý:  + Trong thực tế khi ta bỏ công sức vào làm một việc gì đó thì dù khó khăn đến mấy ta cũng sẽ có ngày thành công  + Thực tế đã chứng minh điều đó  b. Lập dàn ý  - Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề. Tầm quan trọng của lòng kiên trì và hăng say lao động  - Thân bài:  + Chẳng có gì làm nên nếu thiếu kiên trì, tình yêu lao động, cần cù  + Có sự kiên trì bền bỉ sẽ làm đưîc tất cả: Nguyễn Ngọc Kí, Nguyễn Đình Chiểu , các vận động viên khuyết tật  - Kết bài: Khẳng định giá trị câu tục ngữ và bài học rút ra cho bản thân  c.Viết bài  d. Đọc và sửa chữa  -Về ý nghĩa: Câu tục ngữ và đoạn thơ giống với câu tục ngữ ở mục I |

**TIẾT 92: LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

|  |
| --- |
| ***I. Đề bài***  Chứng minh rằng nhân dân VN từ xưa đến nay luôn sống theo đạo lí “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”; “ Uống nước nhớ nguồn”  ***II. Các bước viết bài lập luận chứng minh***  **1. Tìm hiểu đề**  - Luận điểm: Lòng biết ơn, nhớ về cội nguồn của con người  - Thể hiện ở hai câu tục ngữ và lời dẫn vào hai câu tục ngữ  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  *\* Tìm ý:*- Hai câu tục ngữ nêu lên bài học về lẽ sống về đạo đức và tình nghĩa cao đẹp của con người. Đó là lòng biết ơn nhớ về cội nguồn  - Biểu hiện: Từ xưa dân tộc VN đã luôn nhớ đến cội nguồn, luôn biết ơn những người đã cho mình được hưởng thành quả, niềm hạnh phúc vui sướng trong cuộc sống.  Đến nay đạo lí ấy vẫn được con người Việt Nam tiếp tục phát huy.  *\* Lập dàn ý*  a. Mở bài: Dẫn vào luận điểm -> nêu vấn đề lòng biết ơn, nhớ về cội nguồn dân tộc của nhân dân ta  b. Thân bài:  - Giải thích ý nghĩa hai câu tục ngữ  - Chứng minh: Ngày xưa  Ngày nay  c. Kết bài: Mọi người phải biết ơn và nhớ về cội nguồn vì có như vậy chúng ta mới hoàn thiện và có cuộc sống tốt đẹp  *3. Viết bài*  *4. Đọc, sửa* |

**TIẾT 93: ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

***Phạm Văn Đồng***

|  |
| --- |
| ***I.Đọc - chú thích***  **1. Đọc**  **2. Chú thích**  **a.Tác giả**: (sgk)  **b. Tác phẩm (sgk)**  **c. Các từ khó**  **3.Thể loại**  - Nghị luận chứng minh  **4. Bố cục**: hai phần  - P1: hai câu đầu -> cuộc sống giản dị và khiêm tốn của Bác  - P2: Cßn l¹i -> chứng minh cuộc sống giản dị của Bác bằng dẫn chứng và lí lẽ  ***II. Đọc - Hiểu văn bản***  ***1. Đức tính giản dị và khiêm tốn của Bác Hồ***  - Bữa ăn: vài món giản đơn,khi ăn không để rơi vãi,ăn xong thu dọn sạch sẽ.  - Căn nhà: vài ba phòng hòa cùng thiên nhiên  - Việc làm: từ việc nhỏ đến việc lớn ít cần ngừơi phục vụ.  - Đời sống sinh hoạt phong phú,cao đẹp  - Giản dị trong lời nói,bài viết  2***.Tìm bố cục và lập dàn ý của văn bản***:  -Mở bài: Sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động cách mạng và cuộc sống giản dị của Bác  -TB: Chứng minh sự giản dị của Bác trong sinh hoạt,lối sống,việc làm:  c***. Đức tính giản dị của Bác Hồ trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, lời nói, bài viết***  - Thường tự làm lấy, ít cần người phục vụ.  - Gần gũi, thân thiện với mọi người: thăm hỏi, đặt tên...  -> Đời sống vật chất giản dị càng hoà hợp với đời sống tinh thần phong phú cao đẹp  - “ Không có gì quý hơn độc lập, tự do”,  - “ Nước Việt Nam là một...”  -> Đưa 2 d/c là 2 câu nói nổi tiếng của Bác, câu nói ngắn gọn, dễ nhớ, mọi người đều hiểu.  ***III. Tổng kết***  **=> *Ghi nhớ sgk*** |

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**Tiết 94 : CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH**

**CÂU BỊ ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***I. Câu chủ động và câu bị động***  **1. Bài tập**  **2. Nhận xét**  \*Câu a: chủ ngữ là: mọi người  - Thực hiện hành động hướng vào người khác  \*Câu b: chủ ngữ là Em  - Được hành động “ yêu , mến” hướng vào  **=> *Ghi nhớ ( sgk)***  ***II. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động(HS TỰ LÀM)***  **1. Bài tập ( sgk)**  **2. Nhận xét**  - Chọn câu b  - Vì nó tạo lên liên kết câu  **=> *Ghi nhớ ( sgk)***  ***III. Luyện tập (HS TỰ LÀM)***  \* Các câu bị động  a. Có khi được… dễ thấy  b.Tác giả” mấy vần thơ” liền được tôn là… thi sĩ  \* Sử dụng câu bị động: tránh lặp, tạo liên kết  **CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG (tt)**   |  | | --- | | ***I. Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động***  **1. Bài tập**  **2. Nhận xét**  \* So sánh:  + Giống nhau: miêu tả cùng một sự việc  + Khác: Hình thức: câu a có từ ***được***, câu b không có từ “được”  + Đều là câu bị động  \* Chuyển câu chủ động thành câu bị động:  - Chuyển từ (cụm từ) chỉ đối tượng hoạt động lên đầu câu, thêm bị (được) vào sau từ (cụm từ ) ấy  - Chuyển từ (cụm từ) chỉ đối tượng của hành động lên đầu câu rồi lược bỏ (hoặc biến (cụm từ) chỉ chủ thể hành động thành bộ phận bắt buộc.  \* Không phải câu nào chứa từ bị, được cũng là câu bị động  ***=> Ghi nhớ (sgk)***  **III. Luyện tập**  **Bài 1:** Chuyển câu chủ động thành hai câu bị động tương ứng  a. Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỷ XIII  -> Ngôi chùa ấy được một nhà sư vô danh xây từ thế kỷ XIII  -> Ngôi chùa ấy xây từ thế kỷ XIII  b. Người ta làm tất cả c¸nh cửa chùa bằng gỗ lim  -> Tất cả c¸nh cửa chùa làm bằng gỗ lim  - Tất cả c¸nh cửa chùa được người ta làm bằng gỗ lim  **Bài 2:**Chuyển câu chủ động thành câu bị động  a.Thầy giáo phê bình em  -> Em bị thầy giáo phê bình  -> Em được thầy giáo phê bình  b. Người ta đã phá ngôi nhà ấy  -> Ngôi nhà ấy bị người ta phá đi  -> Ngôi nhà ấy được người ta phá đi  \* Nhận xét  - Câu bị động dùng “được” có hàm ý đánh giá tích cực về sự việc được nói đến  - Câu bị động dùng “ bị” đánh giá tiêu cực về sự việc được nói đến | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*